

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 9 năm 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 9 năm 2024 và ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Hà Thế Đ, sinh năm 1964 (Có mặt).

ĐKHKT: Tổ X, khu Y, phường V P, T.P V T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Bà Dương Thị Hồng N, sinh năm 1971 (Có mặt).

ĐKHKT: Tổ X, khu Y, phường V P, T.P V T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà N, tổ X, khu Y, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà Thế M, sinh năm 1927 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà N, tổ X, khu Y, phường V P, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M:

- Bà Hà Thị T, sinh năm 1971 (Có mặt).

- Ông Tống Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ thường trú của ông T: Khu X, xã Đ L, huyện T B, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Hà Thị T, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ X, khu Y, phường V C, T.P V T, tỉnh Phú Thọ.

3. Ông Hà Thế Đ, sinh năm 1963 và bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1970 (Đều vắng mặt).

Hiện làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức.

4. Chị Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1983 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Đội X, phường D L, T.P V T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở Nhật Bản.

5. Anh Hà Quốc D, sinh năm 1986 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ X, khu Y, phường V P, T.P V T, tỉnh Phú Thọ.

6. Chị Hà Thị Thu P, sinh năm 1992 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ngõ X, đường H B, tổ Y, phường N T H, thành phố Y B, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của ông Đ, bà H, Chị H, anh Dũng, Chị P: Bà Hà Thị T, sinh năm 1971 (Có mặt).

7. Anh Hà Anh T, sinh năm 1994 (Có mặt).

Nơi ở hiện nay: Số nhà X, tổ Y, khu Z, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

8. Cháu Hà Tô G, sinh năm 2009 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 10, tổ 10B, khu 2, phường V C, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật của cháu G: Bà Dương Thị Hồng N, sinh năm 1971 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Hà Thế Đ trình bày:

Tôi và Bà Dương Thị Hồng N đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 3 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã V P, thành phố V T, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là phường V P, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống cùng bố mẹ đẻ tôi là ông M, bà T, tại khu Y, phường V P, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ từ năm 1994. Trong quá trình sinh sống vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra cãi vã mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dưỡng con cái. Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2007, sau đến năm 2014 hai vợ chồng sống ly thân. Năm 2021 Bà N chuyển đi, thuê ở chỗ khác, không ở cùng nhà với tôi và bố mẹ chồng. Vợ chồng đã nhiều lần ra tòa và làm đơn ly hôn do Bà N làm đơn sau đó lại rút đơn.

Xét thấy vợ chồng tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với Bà N.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 24/10/1994 và cháu Hà Tô G, sinh ngày 24/3/2009. Hiện cháu T đã thành niên có công ăn việc làm nên tôi không đề nghị xem xét giải quyết, còn cháu G hiện đang ở với mẹ nên tôi đồng ý cho cháu G ở với Bà N. Hiện nay tôi không có công ăn việc làm, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Còn nếu tôi được nuôi cháu G tôi không yêu cầu Bà N phải cấp dưỡng nuôi cháu G cùng.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung. Ngôi nhà vợ chồng đang sinh sống tại phường V P được xây dựng năm 2002 là nhà của bố mẹ tôi và vợ chồng ông Đ giao cho vợ chồng tôi xây dựng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/11/2007 do Bà N xuất trình là tôi có ký nhưng do Bà N đi làm thủ tục chứ gia đình tôi không có họp bàn gì và vợ chồng tôi đã viết giấy trả lại diện đất 100m² đó cho bố mẹ tôi. Việc viết giấy là Bà N tự nguyện viết, hai vợ chồng tôi ký, khi viết không bị ai ép buộc.

Ông Đ có nói chuyện với tôi về việc gửi tiền về cho tôi để xây nhà ở cùng bố mẹ. Ngoài ra để cho vợ chồng tôi vẫn ở trên phần diện tích đất có nhà ba tầng. Còn khi làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 29/11/2007 đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V P tôi không được biết, Bà N tự cầm về cho gia đình tôi ký và Bà N nhờ người khác làm thủ tục. Đối với nhà ba tầng có cả tiền của bố mẹ tôi, vợ chồng ông Đ đưa cho vợ chồng tôi thay mặt đứng ra để làm nhà, còn thực tế vợ chồng tôi không có tiền vì khi đó tôi làm ăn thua lỗ, Bà N lương thấp. Tôi không nhất trí về việc chia tài sản chung của Bà N. Về biên bản họp gia đình ngày 22/02/2014 tôi không nhất trí vì gia đình không đủ thành phần.

Về công nợ: Ông Đ xác định vợ chồng có nợ của vợ chồng ông Hà Thế Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn Bà Dương Thị Hồng N trình bày

Về quá trình kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn như ông Đ trình bày là đúng. Hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ năm 2012, lý do ông Đ có quan hệ ngoài luồng kể từ năm 2012. Sau đến năm 2021 tôi không ở cùng với ông Đ và đi ở chỗ khác. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 24/10/1994 và cháu Hà Tô G, sinh ngày 24/3/2009. Hiện cháu T đã trưởng thành có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết, đề nghị cho tôi được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu G số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung: Tôi và ông Đ có các tài sản chung gồm:

Diện tích đất 100m² đất ở thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31, diện tích 447m²; Diện tích đất này ông M và bà T đã tặng cho vợ chồng tôi từ năm 1994 và có giấy tách đất thổ cư nhưng thời điểm đó ông M, bà T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đến năm 2007 ông M, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 037933, Ủy ban nhân dân thành phố V T cấp ngày 21/11/2007 thì mới làm tiếp tục làm hợp đồng tặng cho vợ chồng tôi theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 29/11/2007 đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã V P (Nay là phường V P), thành phố V T, tỉnh Phú Thọ kèm theo Trích lục bản đồ ngày 29/11/2007, Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/11/2007 và Đơn xin tách thửa đất, hợp thửa đất ngày 29/11/2007, biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 29/11/2007, sơ đồ và kích thước thửa đất ngày 29/11/2007. Các văn bản đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V P (Nay là phường V P) thửa đất này đến nay vẫn chưa được cấp GCNQSD đất đứng tên của vợ chồng tôi. Cùng ngày 29/11/2007, ông M, bà T cũng làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Lê Thị Đ (Là vợ của ông Hà Quốc C) cũng với diện tích đất 100m² đất ở và khoảng 13m² đất vườn. Về thủ tục chuyển nhượng cho bà Đ cũng giống như của vợ chồng tôi.

Năm 1998 ông M và bà T hợp những người con lại nhưng chỉ nói bằng miệng với nhau về việc ông M, bà T có 3 người con trai nhưng ông Đ đang ở nước ngoài, gia đình có 02 thửa đất của cha ông để lại. Và đã chia cho ông C một phần thửa đất riêng ở khu 3, phường V P, thành phố V T, còn một thửa đất khác sẽ chia cho vợ chồng tôi một phần ba vì tôi và ông Đ có một cháu trai là cháu T. Nhà ông Đ sẽ được hai phần ba thửa đất này vì ông Đ bà H có 02 con trai. Ông Đ bà H có nói là đi nước ngoài không biết khi nào sẽ về nên xin lấy toàn bộ phần đất cha ông cho liền thửa, không lấy phần đất ở thửa đất số 49 địa chỉ khu Y, phường V P, thành phố V T (Là thửa đất có vị trí mặt đường). Chính vì vậy ông M và bà T cho vợ chồng tôi thêm phần diện tích đất 234m² để chúng tôi xây nhà và phụng dưỡng ông M, bà T. Việc cho tặng chỉ nói miệng chứ không có văn bản.

Sau đó đến năm 2002 vợ chồng tôi xây ngôi nhà ba tầng kiên cố trên phần diện tích đất 234m², ở phần diện tích đất giáp ranh với diện tích đất 100m² nhưng vẫn thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31. Thời điểm từ năm 1994 đến năm 2002 tôi là kế toán công ty vật tư, ông Đ làm kinh doanh vận tải nên nguồn tiền xây nhà là của vợ chồng tôi, tôi là người chủ yếu đi mua vật liệu xây dựng để xây nhà. Khi xây dựng tôi có làm thủ tục để được cấp giấy phép xây dựng đứng tên ông Đ chồng tôi theo đúng quy định pháp luật. Khi xây dựng tôi có nhờ người đứng tên quốc móng, thuê thợ xây, thuê Công ty thiết kế.

Theo tôi về đất ở có giá là 15.000.000đ/01 m² (Căn cứ theo quyết định số 1744 ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất đối với 60 ô đất ở đô thị tại khu tái định cư Đồng Mạ, khu 3 phường V P, thành phố V T); Đối với nhà 3 tầng tôi nhất trí với giá

nhu Hội đồng định giá đã quyết định ngày 02/7/2024 là: 514.835.800 đồng và Mái tôn nhà ba tầng: 18.391.500 đồng.

Nay tôi và các con, cháu (gồm 5 người) đang phải đi ở nhờ mẹ ruột, chưa có chỗ ở ổn định, nên tôi đề nghị được lấy phần diện tích đất 100m², không có nhà 3 tầng, còn ông Đ được nhận nhà 3 tầng. Tôi sẽ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Đ.

Về Đơn xin trả lại mảnh đất thừa kế của bố mẹ ngày 22/02/2014 do tôi tự viết nhưng do ông M bắt tôi phải viết. Bản thân tôi không nhất trí với việc viết đơn này nên tôi vẫn yêu cầu giải quyết các tài sản nêu trên. Còn biên bản họp gia đình ngày 22/02/2014 là do chị Tạ Hải L là con gái của Bà T viết.

Về công nợ và công sức đóng góp: Trước đây hai vợ chồng có nợ của một số người nhưng đến năm 2007 vợ chồng tôi đã trả nợ được hết. Nay tôi có ý kiến vợ chồng sẽ tự thỏa thuận về công nợ, còn nếu ông Đ đề nghị giải quyết về công nợ thì tôi sẽ yêu cầu và cung cấp chứng cứ sau cho Tòa án.

Về công sức đóng góp đề nghị thanh toán công sức làm dâu từ năm 1994 ở nhà chồng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Hà Thị T trình bày:*

Bố mẹ tôi có 5 con chung là bà Hà Thị H (Chết năm 1993); ông Hà Quốc C (Chết năm 1994); Ông Hà Thế Đ, sinh năm 1962; Ông Hà Thế Đ, sinh năm 1964 và tôi. Ngoài 5 người con trên ông M và bà T không có người con nuôi, con riêng.

Bà H có chồng là Đỗ Tất Tinh và có 2 người con là anh Đỗ Tất T (mất năm 2002, khi chết chưa có vợ con), Chị Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1983 hiện đang ở Nhật Bản; Ông C có vợ là bà Lê Thị Đ và có 02 người con là anh Hà Quốc D, sinh năm 1986 và chị Hà Thị Thu P, sinh năm 1992.

Đối với Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31, diện tích 447m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 037933, Ủy ban nhân dân thành phố V T cấp ngày 21/11/2007 đứng tên ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T, thời điểm năm 1990 ông Đ và bà H gửi tiền và hàng cho bố mẹ tôi để mua đất, việc này được ông M, ông Đ và tôi đều thừa nhận, ngoài ra có cả bạn của ông Đ cũng thừa nhận việc này. Tiền xây nhà 3 tầng trên phần diện tích 234m² thuộc thửa đất số 49 là của bố mẹ tôi và vợ chồng ông Đ giao cho vợ chồng ông Đ để thuê thợ, thiết kế, mua bán nguyên vật liệu xây dựng.

Thời điểm ông M, bà T làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân ngày 29/11/2007 cho vợ chồng ông Đ, Bà N diện tích đất 100m² thuộc thửa đất số 49 tôi không biết việc này. Sau một thời gian lâu tôi mới được biết lý do chuyển nhượng nêu trên là Bà N có nói với bố mẹ tôi thửa đất số 49 nằm trong quy hoạch nên để cho vợ chồng Bà N ông Đ đứng tên trên diện tích 100m² đất ở, khi nhà nước đền bù thì được thêm một suất để sau trả lại cho bố mẹ đỡ thiệt.

Tất cả các giấy tờ ông M bà T ký cho đất ông Đ Bà N và hai con của ông Đ, Bà N tôi không đồng ý.

Nên đối với yêu cầu chia tài sản chung của Bà N tôi không nhất trí vì thửa đất số 49 là của bố mẹ tôi và vợ chồng ông Đ, không phải là tài sản chung của ông Đ, Bà N.

Về công sức đóng góp của Bà N, đề nghị Bà N cung cấp tài liệu chứng cứ và tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, gia đình tôi sẽ nhất trí thanh toán tiền công sức cho Bà N.

** Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Thế M do Bà T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông M là chủ sử dụng hợp pháp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với Thửa đất số: 49, tờ bản đồ 31; Địa chỉ thửa đất: Khu 4, xã V P (nay là phường V P), thành phố V T, tỉnh Phú Thọ; Diện tích: 447,0 m² theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 037933 do Ủy ban nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ cấp theo quyết định số 5606/QĐ-UBND ngày 21/11/2007 mang tên Hộ ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T; Nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng từ năm 1990, 1991.

* Tài sản gắn liền với đất là: Nhà xây 03 tầng.

Ông M là bố đẻ của anh Hà Thế Đ, anh Đ có vợ là chị Dương Thị Hồng N; Khoảng năm 2007 anh Đ và chị N nghe tin nhà nước thu hồi mảnh đất nêu trên và sau đó chị N tự nhờ người làm thủ tục giấy tờ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hộ gia đình cá nhân, song về có nói với ông M rằng bố mẹ đẻ cho chúng con đứng hộ một phần đất khi nhà nước lấy sẽ được đền bù thêm một suất để đỡ thiệt sau sẽ trả lại bố mẹ và đưa ông M ký. Sau này nhà nước không thu hồi thửa đất đó nữa, và anh Đ chị N đã tự nguyện viết đơn xin trả lại diện tích đất đó cho vợ chồng ông M. Nay chị N và anh Đ có đơn đề nghị tòa án giải quyết ly hôn, chị N cho rằng diện tích đất đó là của anh chị Đ N và yêu cầu tòa án chia là không đúng. Chị N tự đi làm hợp đồng tách với mục đích để khi nhà nước thu hồi và được đền bù thì anh chị phải trả suất đền bù đó cho ông M.

Đối với căn nhà 3 tầng hiện nay ông M đang ở, chị N khai với tòa là nhà do chị làm là không đúng sự thật. Vì thực tế đất và tài sản gắn liền với đất là do vợ chồng con trai ông M tên là Hà Thế Đ và Trần Thị Kim H ở nước ngoài đem tiền về để bố mẹ mua đất, xây nhà và tạo dựng nên. Nay ông M tuổi cao sức yếu, các con các cháu của ông M đưa thì đã mất đưa thì ở xa, còn vợ chồng Đ N cùng hai con ở với bố mẹ nên vợ chồng ông M đã rất tin tưởng lo cho các con các cháu không thiếu thứ gì. Bao nhiêu tiền của và tài sản của vợ chồng con trai là Hà Thế Đ đều giao cho vợ chồng Đ N quản lý để làm ăn sinh sống nuôi dưỡng bố mẹ. Với mong muốn của ông M khi già yếu vợ chồng Đ N và hai cháu sẽ là chỗ dựa cho ông M chăm sóc phụng dưỡng khi tuổi già yếu nhưng không ngờ rằng chị N đã không thành thật là con dâu nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ làm dâu. Gần 10 năm nay chị N cùng các con không quan tâm không

chăm sóc đã lừa dối và đối xử ngược đãi với ông M. Nên ông M đã phải nhờ người đến ở để lo giúp ông M lúc tuổi già yếu thì mẹ con chị N hành người giúp việc tìm mọi cách để đuổi không cho ở để chăm sóc ông M. Đó là vợ chồng chú Tổng Văn Toán là người hiện tại đang ở và chăm sóc ông M làm chứng và thấy rõ những sự thật bản chất của mẹ con chị N đối xử với ông M.

Vì vậy ông M có quan điểm: Tất cả những giấy tờ dự định của ông M trước kia để chia tách đất và tài sản cho các con cháu mà liên quan đến diện tích thửa đất và tài sản nêu trên của ông M thì ông M đều không đồng ý cho vợ chồng và hai con của anh chị Đ N nữa và ông M cũng không chia tách cho bất cứ một ai. Đề nghị Tòa án và các cấp có thẩm quyền không công nhận tất cả các giấy tờ có liên quan đến thửa đất nêu trên của ông M.

** Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Hà Anh T trình bày:*

Tôi sinh năm 1994, từ nhỏ lớn lên cùng ông bà nội, bố mẹ đẻ của tôi. Quá trình lớn lên, sinh sống tôi được biết bố mẹ tôi được ông bà nội là ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tách cho thửa đất thổ cư tổng diện tích là 100 m² đất ở tại khu 4 xã V P nay là phường V P thành phố V T tỉnh Phú Thọ (trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4). Việc tặng cho được thể hiện bằng biên bản tách đất thổ cư có UBND xã V P thời điểm đó ký, đóng dấu xác nhận. Tôi được sinh ra và lớn lên cùng bố mẹ tại ngôi nhà đó (lúc đó ông bà nội tôi cũng ở ngôi nhà cấp 4 tại thửa đất liền kề, chung sân với nhà tôi) mặc dù nhà riêng nhưng mọi hoạt động ăn uống, sinh hoạt tôi cùng bố mẹ và ông bà nội vẫn sinh hoạt chung.

Đến năm 1998 do tuổi cao sức yếu, ông bà nội tôi liên tục ốm đau đêm hôm phải đón đưa bác sỹ nên thuyết phục bố mẹ tôi xây nhà mới để ở cùng và thuận tiện chăm sóc ông bà hơn. Được sự nhất trí của gia đình họp bàn, ông bà nội tôi đã nhất trí cho bố mẹ tôi và tôi thêm 01 thửa đất nữa (là thửa đất liền kề, giáp ranh thửa đất đã tách cho bố mẹ tôi năm 1994) với mục đích để bố mẹ tôi xây nhà và đón ông bà về ở cùng để thuận tiện cho việc chăm sóc ông bà. Đến đầu năm 2002, bố mẹ tôi đã xây dựng căn nhà ba tầng với diện tích là 100m²/sàn, rộng mặt đường 10m, sâu là 10m. Toàn bộ số tiền xây nhà đều là tiền của bố mẹ tôi bỏ ra. Nguồn tiền do kinh doanh vận tải của bố mẹ tôi và lương thưởng của mẹ tôi mà có. Sau khi xây dựng nhà mới, gia đình tôi đã sinh sống cùng ông bà nội ổn định lâu dài trong căn nhà 3 tầng từ đó tới nay không có tranh chấp, phản đối ý kiến gì từ bất kỳ ai cho đến năm 2022 khi phát sinh lần 2 vụ án ly hôn của bố mẹ tôi. Căn nhà cấp 4 cũ tại thửa đất được ông bà cho ban đầu được bố mẹ tôi sửa lại để phù hợp làm nhà để xe ô tô (Thời điểm đó bố mẹ tôi đang sở hữu 01 xe ô tô tải có tải trọng là 15 tấn chiều dài xe hơn 14 m).

Đến năm 2007 gia đình chúng tôi cũng đã tiến hành làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm đó, gia đình tôi có nhờ ông bà nội nhờ người làm giúp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Người này có hướng dẫn nên gộp các thửa đất mà ông bà tôi đã cho gia đình tôi vào để làm 01 GCNQSDĐ, sau đó tách cho thì sẽ đỡ chi phí hơn. Bố mẹ tôi cùng gia đình bá Đ (vợ của bác ruột tôi) cũng nhất trí với phương án này. Sau đó, GCNQSDĐ mang

tên ông bà nội tôi. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông bà nội tôi lại một lần nữa tách lại cho bố mẹ tôi bằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân vào ngày 29/11/2007, thửa đất được ông bà nội tặng, cho là thửa đất cũ đã cho bố mẹ tôi từ năm 1994. Trên thửa đất này khi đó có 01 nhà để xe ô tô. 01 kho chứa đồ và để xe máy của gia đình tôi UBND xã V P thời điểm đó đã làm Hợp đồng cho bố mẹ tôi 01 bìa hồng thể hiện việc được ông bà cho, tặng phần diện tích nêu trên.

Về thửa đất mà bố mẹ tôi đã làm nhà ba tầng và sinh sống cùng ông bà nội thì ông nói để ông bà đứng tên hộ khi nào nhà nước lấy đền bù tái định cư sẽ được hai ô (Khi đó nhà nước đang chuẩn bị làm dự án đường Nguyễn Tất Thành kéo dài). Trong khi đó bố mẹ tôi vẫn sinh sống hạnh phúc, ổn định, gia đình rất hoà thuận nên bố mẹ tôi và tôi cũng không có ý kiến gì. Sau khi được ông bà nội tôi tặng cho đất bằng hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất đã được Chủ tịch UBND xã V P thời điểm đó chứng thực, các phòng chức năng, cùng các bên liên quan xác nhận ký tên, bố mẹ tôi cũng đã tiến hành làm đầy đủ các hồ sơ, giấy tờ để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do UBND thành phố V T có quyết định đưa toàn bộ khu vực nhà tôi vào quy hoạch treo dự án đường và hành lang đường Nguyễn Tất Thành kéo dài nên bố mẹ tôi chưa làm được GCNQSDĐ.

Từ năm 1994, tôi cùng bố mẹ đã sinh sống ổn định lâu dài cùng ông bà nội, ngoài gia đình tôi thì không có ai khác ở cùng từ năm đó đến nay. Các công việc lớn nhỏ như giỗ chạp, ma chay, cưới hỏi, chăm sóc cho ông bà nội tôi lúc ốm đau đi viện đều do bố mẹ tôi trông nom chăm sóc. Gia đình tôi đã ở tại thửa đất này 30 năm nay, hàng năm đều đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ cho khu dân cư cũng như các quy định hương ước địa phương đến nay. Đến năm 2012 bố tôi có quan hệ ngoại luồng bỏ nhà đi theo gái, bố tôi cùng mẹ và ông bà nội (bà nội tôi thời điểm đó rất yếu, bà chủ yếu nằm liệt giường). Tuy nhiên mẹ tôi và 2 anh em tôi (Hà Tô G) vẫn sống chung để chăm sóc cho ông bà. Đến năm 2014, bà nội tôi chết, nhà chỉ còn 3 mẹ con tôi chung sống cùng ông nội còn bố tôi vẫn bỏ nhà đi không có ở nhà. Mẹ con tôi vẫn một mực chăm sóc ông nội.

Đến năm 2018 thì bố tôi quay về làm đơn khởi kiện ly hôn mẹ tôi và đã được tòa án nhân dân thành phố V T chấp nhận thụ lý số 222/2018-TLST-HNGĐ Ngày 9/5/2018 (tại BL-49). Tại biên bản lời khai cũng như một số bút lục khác ông nội tôi có khai thừa nhận căn nhà ba tầng này là do bố mẹ tôi xây dựng và ông có ý kiến xin sở hữu và có trách nhiệm thanh toán tiền cho bố mẹ tôi theo quy định của pháp luật. Bố tôi tại biên bản thẩm định tài sản cũng đã thừa nhận nội dung ngôi nhà 03 tầng là của bố mẹ tôi, không có ý kiến phản đối gì (Các biên bản do tòa án nhân dân thành phố V T viết lời khai đều đã được các bên đã tự đọc công nhận biên bản là đúng và ký xác nhận; dưới sự chứng kiến xác nhận của Phó Chủ tịch UBND Phường V P là ông Lưu Văn H ký đóng dấu chứng thực).

Sau thời gian đợi tòa án giải quyết ly hôn khoảng cuối năm 2021 xung đột đã xảy ra giữa gia đình nhà tôi cụ thể là bố tôi, bác ruột (Ông Hà Thế Đ) và cô

ruột (Bà Hà Thị T) bắt ép mẹ tôi phải viết giấy trả lại phần đất ông bà nội tôi đã cho bố mẹ tôi. Gia đình nhà nội tôi sợ nếu bố mẹ tôi bỏ nhau Toà án sẽ chia đôi các tài sản. Thời điểm đó, lợi dụng việc ông nội tôi đã già cả, trí nhớ, nhận thức không còn minh mẫn, cô ruột tôi thường xuyên lên nhà tôi sau đó xuyên tạc, nói xấu về mẹ tôi với mong muốn được phân chia lại tài sản. Dần dần, từ đó nhà nội tôi thường xuyên chửi bới, áp lực tinh thần cho mẹ tôi hàng ngày thậm chí có lần mẹ tôi phải viết đơn gửi lên công an và chính quyền phường V P nhờ can thiệp. Bởi vậy đến tháng 07/2021, mẹ tôi và em gái tôi không còn cách nào khác mẹ phải xuống xin bà ngoại tôi để ở nhờ.

Nay tôi đề nghị xem xét phán quyết, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên liên quan, bảo đảm đúng quy định của pháp luật

* Theo các bản tự khai và các ý kiến gửi về của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Thế Đ và bà Trần Thị Kim H (vợ ông Đ) trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 49 tờ bản đồ 31 là từ tài sản của ông bà gửi tiền từ Đức về nhờ bố mẹ là ông M, bà T đứng tên. Ông Đ, bà H không nhất trí chia tài sản chung là một phần thửa đất này vì mọi giấy tờ chia tách không đúng quy định về hình thức, nội dung. Ông Đ, bà H không biết việc chia tách đất, cho, chuyển nhượng; Tài sản trên đất là nhà 3 tầng: Ông M, bà T lấy tiền của ông bà giao tiền cho vợ chồng ông Đ đứng ra thuê thợ, mua vật liệu xây dựng. Trình bày sau cùng (BL 271), ông bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng thửa đất đứng tên ông M, bà T.

Về khoản nợ, ông Đ nêu ra. Vợ chồng ông chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Chị Đỗ Thị Thúy H là con gái bà H (bà H đã chết) trình bày:

Thửa đất số 49 tờ bản đồ 31 diện tích 447m² là của ông M, bà T không phải của ông Đ, Bà N (thực chất là tài sản của ông Đ, bà H đang sinh sống ở Đức tạo dựng nên nhưng vì ở xa nên để ông bà ngoại chị đứng tên). Chị không đề nghị gì về quyền lợi của chị ở thời điểm này. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa, phiên họp.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Quốc D và chị Hà Thị Thu Phương con ông C (ông C đã chết) trình bày:

Thửa đất số 49 tờ bản đồ 31 diện tích 447m² là của ông bà nội anh, chị chứ không phải là tài sản riêng của ông Đ, Bà N.

Anh Dũng và Chị P xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt.

* Cháu Hà Tô G có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự có mặt thỏa thuận giải quyết nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Thế Đ thuận tình ly hôn với Bà Dương Thị Hồng N.

- Về con chung: Ông Đ và Bà N thỏa thuận Bà N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Tô G, sinh ngày 24/3/2009. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N do bà N tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông Đ, Bà N, Bà T (Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Thế M), anh T thống nhất thỏa thuận phân diện tích đất 334m² và nhà 3 tầng trên thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31, diện tích 447m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 037933 do Ủy ban nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 21/11/2007 do Bà N có yêu cầu phản tố là quyền sử dụng hợp pháp của ông M, bà T. Ông M và ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Bà N số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) là tiền công sức đóng góp trong khối tài sản chung, giao cho ông Đ là người đứng ra đại diện chịu trách nhiệm thanh toán.

Về công nợ: Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền công nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân (nếu có).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 37 BLTTDS; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hà Thế Đ và Bà Dương Thị Hồng N.

- Về con chung: Giao con chung là Cháu Hà Tô G, sinh ngày 24/3/2009 cho Bà N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Bà N do Bà N tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Phần diện tích đất 334m² và nhà 3 tầng trên thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31, diện tích 447m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 037933 do Ủy ban nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 21/11/2007 do Bà N có yêu cầu phản tố là quyền sử dụng hợp pháp của ông M, bà T. Ông M và ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Bà N số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) là tiền công sức đóng góp trong khối tài sản chung, do ông Đ đứng ra đại diện thanh toán.

Về công nợ: Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền công nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Thế Đ hiện đang ở Cộng hòa liên bang Đức. Theo Công văn số: 33876/QLXNC-P3 ngày 18/12/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định ông Hà Thế Đ, sinh ngày 01/8/1962, đã nhập xuất cảnh 27 lần, xuất cảnh ngày gần nhất ngày 19/4/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được với nhau về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31, diện tích 447m², địa chỉ: Tổ X, khu Y, phường V P, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ được xác định là thửa đất có tranh chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T. Bà T đã mất năm 2014, do vậy Tòa án tiến hành đưa hàng thừa kế thứ nhất của bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về hàng thừa kế thứ nhất của bà T gồm: Ông Hà Thế M (Chồng bà T). Các con của bà T với ông M gồm: ông Hà Quốc C (đã chết năm 1994); Bà Hà Thị H (đã mất năm 1993); ông Hà Q Đông; ông Hà Thế Đ, Bà Hà Thị T. Ông C, bà H đã chết nên Tòa án đưa các con của ông C là Chị H Thị Thu Phương, anh Hà Quốc D và con của bà H là Chị Đỗ Thị Thúy H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ông Hà Thế Đ và bà Trần Thị Kim H (vợ ông Đ), Chị H Thị Thu Phương, anh Hà Quốc D, Chị Đỗ Thị Thúy H đều xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Thế Đ và Bà Dương Thị Hồng N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 3 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã V P, thành phố V T, tỉnh Vĩnh Phú (Nay là phường V P, thành phố V T, tỉnh Phú Thọ), đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông Đ và Bà N đều xác định vợ chồng có nhiều mâu

thuần, đời sống chung không thể kéo dài và sống ly thân nhiều năm nay. Ông Đ xin ly hôn với Bà N, Bà N nhất trí ly hôn. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa ông Đ và Bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đ và bà N là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Đ và bà N có hai con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 24/10/1994 và cháu Hà Tô G, sinh ngày 24/3/2009. Cháu T hiện nay đã thành niên nên ông Đ, Bà N đều không đề nghị giải quyết. Ông Đ và bà N thỏa thuận giao cháu Hà Tô G cho bà N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N do bà N tự nguyện không yêu cầu.

Xét thấy: Cháu Hà Tô G hiện đang ở cùng với bà N, Cháu G có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của ông Đ và bà N về việc giao con chung là Cháu Hà Tô G, sinh ngày 24/3/2009 cho bà N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và việc bà N không yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung:

Trong quá trình giải quyết, về phía nguyên đơn ông Đ cho rằng vợ chồng không có tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu phản tố của bà N, Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 49 tờ bản đồ số 31, diện tích 447m² có phần diện tích đang tranh chấp là 334 m², và 01 ngôi nhà ba tầng, cùng tài sản gắn liền với diện tích đất tranh chấp. Đối với diện tích đất còn lại bà Lê Thị Đ đang sử dụng là một phần của thửa đất số 49 không có tranh chấp

Tại phiên tòa, ông Đ, bà N, bà T, Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Thế M, anh T thống nhất thỏa thuận: Phần diện tích đất tranh chấp 334m² và nhà 3 tầng cùng tài sản khác gắn liền với đất xây trên diện tích 334m² là một phần của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31, diện tích 447m² đã được Ủy ban nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 037933, ngày 21/11/2007 mang tên ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T. Ông M và ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Bà N số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) là tiền công sức đóng góp trong khối tài sản chung, ông Đ đứng ra đại diện thanh toán.

Mặc dù vắng mặt xong ông Đ, bà H có quan điểm đề nghị giữ nguyên hiện trạng thửa đất của ông M, bà T (BL 271), các đương sự vắng mặt khác Chị H Thị Thu Phương, anh Hà Quốc D, Chị Đỗ Thị Thúy H cũng xác định là tài sản xây trên quyền sử dụng đất được cấp đứng tên ông M, bà T. Theo đó, mặc dù các đương sự này vắng mặt xong sự thỏa thuận của các đương sự có mặt là phù hợp và hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2.4] Về công nợ: Ông Đ và Bà N thỏa thuận ông Đ có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền công nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

Xét thấy sự thỏa thuận của ông Đ và Bà N là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2.5] Về công sức: Tại phiên tòa Bà N rút toàn bộ yêu cầu đòi bồi thường công sức khác, việc rút yêu cầu của Bà N là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, chi phí đo vẽ bằng máy, chi phí định giá (Có bảng quyết toán lưu hồ sơ vụ án) số tiền 9.000.000 đồng. Xác nhận Bà N đã nộp số tiền này.

Bà T tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí giám định số tiền 3.000.000 đồng. Xác nhận Bà T đã nộp số tiền này.

[4] Về án phí: Ông Đ xin tự chịu toàn bộ phần án phí ly hôn sơ thẩm.

Về án phí chia tài sản chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận, Bà N chịu toàn bộ phần án phí chia tài sản chung theo quy định, cần được xác nhận.

[8] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 55, điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; khoản 1, 2 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điểm a,b khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hà Thế Đ và bà Dương Thị Hồng N.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Tô G, sinh ngày 24/3/2009 cho bà Dương Thị Hồng N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Hà Thế Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Bà N do Bà N tự nguyện không yêu cầu.

Ông Đ có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung:

Phần diện tích đất tranh chấp 334m² có nhà 3 tầng cùng tài sản khác gắn liền với đất xây trên đất là 01 phần của thửa đất số 49, tờ bản đồ số 31, diện tích 447m² đã được Ủy ban nhân dân thành phố V T, tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AK 037933, ngày 21/11/2007 mang tên ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của ông Hà Thế M và bà Nguyễn Thị T. Ông M và ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng) là tiền công sức đóng góp trong khối tài sản chung, ông Đ đứng ra đại diện thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành án thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[4] Về công nợ: Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền công nợ chung phát sinh của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Về công sức: Xác nhận bà N không yêu cầu đòi bồi thường công sức khác.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, chi phí đo vẽ bằng máy, chi phí định giá (Có bảng quyết toán lưu hồ sơ vụ án) số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Xác nhận bà N đã nộp.

Bà T tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí giám định số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Xác nhận bà T đã nộp.

[7] Về án phí:

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Hà Thế Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000191 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí chia tài sản chung: Bà Dương Thị Hồng N phải chịu 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung. Xác nhận bà N đã nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000442 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V T, tỉnh Phú Thọ.

Bà N còn phải nộp số tiền 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường V P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương